

DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 1 (Phần Cuối)

BẢN LUẬN QUYỂN 2

Từ đây trở xuống, là nói trong sinh hữu.

Đoạn thứ hai, nói về hạt giống có hay không, trong đó, trước là y cứ năm tánh để nói về hạt giống có hay không.

Nói Bát Niết-bàn và không có Niết-bàn, tức nói về ảnh là người bất định. Về sau, y cứ vào tự thể báo chung của ba cõi, để nói về hạt giống theo đuổi.

Về danh nghĩa của năm chủng tánh đó, theo kinh Lăng-già nói về năm hạt giống. Không có hữu tình vô tánh, cuối cùng không thành Phật, nghĩa là dùng nghĩa riêng để nói về Bồ-tát xiển-đề, cuối cùng không thành Phật.

Xét luận này để nói năm hạt giống. Quyết định và vô tánh, cuối cùng không thành Phật.

Về đạo lý lập phá của các Luận sư mới, cũ, đều lược qua không nói rộng về pháp nhĩ tâm huân nghĩa hạt giống mới huân tập, nghĩa là như thức luận.

Từ đây trở xuống, là nói bản hữu dần tăng trưởng, vẫn được chia làm hai.

Trước, nói về tướng tăng trưởng trong thai. Sau, là “Sau khi sinh lần lượt” trở xuống, là nói về làm việc ngoài thai.

Trong phần Trước lại có hai:

1) Y cứ vào tướng sai khác của hạt giống, để phô bày quả tăng trưởng.

2) “Lại, ở nơi thai” trở xuống, là chính nói về sự tăng trưởng của phần thai.

Trong phần trước có mười:

1) Danh sắc tăng dần.

2) Dụng của nhân không đồng.

- 3) Phàm, Thánh thấy khác nhau.
- 4) Thọ khởi sai khác.
- 5) Hạt giống mới cũ.
- 6) Nghiệp báo ba thời.
- 7) Có nhiễm, lìa nhiễm.
- 8) Tùy miên thô nặng.
- 9) Các tên của hạt giống.
- 10) Chuyển xả, chuyển đắc.

Y cứ ở phần thứ năm, trong hạt giống mới cũ, lại nói thể của hạt giống từ lúc vô thủy đến nay v.v... Ngài Hộ Nguyệt nói: “Hạt giống vốn có do tâm phát khởi huân tập, mới sinh, cho nên gọi là mới, văn này làm chứng.

Ngài Nan Đà nói: “ở đây nói danh ngôn, thân hạt giống của bản thức mới huân tập từ vô thủy, nên không thể tự được quả di thực, cần phải do tịnh nghiệp mới huân chiêu vởi có công năng sinh ra nên gọi là mới.”

Ngài Hộ Pháp nói: “Danh ngôn và hạt giống nghiệp, đều có pháp nhĩ mới huân, nhưng hạt giống của danh ngôn kia, dù rằng pháp nhĩ cũ thành, nhưng không có chi huân, nên không thể được quả. Mới cũ hợp dùng thì quả kia mới sinh. Đối với Nghiệp chiêu cảm quả và danh ngôn mới kia, nếu nói quả đã sinh, thì nói hạt giống này là quả đã thọ, tức là hạt giống sẵn có ở trước là hiện hành nghiệp được huân phát tịnh, bất tịnh kia. Nếu được quả xong, gọi là quả đã thọ, nhưng chủng tử của danh ngôn dù được quả xong nhưng công năng vô tận, gọi là không tiếp nhận tướng tận. Nếu hạt giống của nghiệp theo thể lực của nghiệp kia, hoặc dưới một đời, hai, ba, bốn đời, cuối cùng có lúc cùng tận, gọi là có tướng thọ cùng tận.

Phần thứ sáu, là giải thích trong nghiệp báo ba thời.

Nói là dù quả khác sinh cần phảo do tự chủng. Luận sư Cảnh giải thích:

Thể của một quả khởi, đáp lại hai thứ

Nhân chia làm hai quả, đáp lại hạt giống nghiệp. Gọi là quả Dị thực, đáp lại hạt giống của danh ngôn, gọi là quả đẳng lưu. Dù đối với nghiệp kia có nghĩa sinh của quả Dị thực khác, phải do nhân gần tự hạt giống của danh ngôn, mới bắt đầu được sinh.

Một cho là: “dù trừ đời này, quả của vô lượng đời khác sinh, phải do tự chủng, mà thọ lượng của đời này đã tận biên, sinh ra hạt giống của quả đời này, gọi là quả đã thọ. Hạt giống của tự thể của đời sống khác,

vì chưa cho quả, nên không gọi là quả đã thọ.

Nói là “Nhưng hạt giống này cũng chỉ trụ phần vị này”. Luận sư Cảnh nói: “Nhưng ở đây không nhất định tiếp nhận hạt giống. Nếu khi thọ báo, thì không lìa ba thời, cho nên nói là cũng chỉ trụ phần vị này”

Pháp sư Khuy Cơ lại giải thích: “Trong nghiệp thuận thọ, báo nhất định, còn thời không nhất định, chủng tử duyên sai khác nên hiện tại chưa được thọ quả, nhưng cũng chỉ dừng lại ở phần vị thuận với hiện thọ”

Luận Hiển Dương chép: “Nghiệp có ba: Thuận hiện thọ, sinh thọ, và hậu thọ. Hoặc chia làm bốn, là thêm bất định thọ, Hoặc chia làm năm, trong bất định thọ lìa thời gian và báo định với bất định làm hai nghiệp”.

Văn này không nói thuận hiện thọ, là ý nói nhiều thời gian không tiếp nhận hạt giống của quả, vì dù trải qua nhiều kiếp, nhưng không hư mục. Tuy nhiên, trong Đại thừa, nếu hạt giống nghiệp có giảm một đời, cho đến nhiều đời, thì từ khi mới thọ, gọi là hiện đời, ba thời sau, là nghiệp riêng. Do nghĩa này nên cũng có nhiều thời gian thuận với hạt giống hiện thọ, chỉ vì báo riêng, cho nên không nói. Với thí dụ kia, sư nói có tám nghiệp, đó là ba thời và bất định, đều có định, bất định nghĩa là thuận với hiện thọ, thời gian nhất định, báo không nhất định, báo nhất định, thời gian không nhất định, chia làm hai, y theo chỗ khác có thể biết. Nghiệp thứ tư này không dựa riêng ba thời gian, chỉ phân biệt chung. Luận Hiển Dương phá Tát-bà-đa rằng: “Nếu nghiệp vô gián nhất định thuận với sinh thọ không thể thay đổi. Nghiệp thiện ba cõi, Phi tướng là trên hết, lẽ ra cũng không vượt hơn được Thánh Đạo. Nghiệp vô gián kia đã có thể thay đổi, tất nhiên nghiệp thiện cũng như thế.

Nay, tựa như đồng thí dụ trong Đại thừa: “Nghiệp năm nghịch của vua A-xà-thế kia sám hối không thọ, tức là sinh báo có thể thay đổi, báo đều không nhất định. Cho nên Quyết Trạch nói: “Quyết định thọ nghiệp, nghĩa là dựa vào thuyết nói trong sự nối tiếp nhau của người chưa giải thoát sẽ không có quyết định thọ nghiệp. Do đó thuận với hiện nghiệp v.v... đều là hai nghiệp thành. Tuy không thấy chánh văn nhưng theo lý thì có lỗi ấy.

Thứ bảy là có nhiễm lìa nhiễm.

Pháp sư Cảnh nói: “Sau hiện sinh, kể cả bất định, tùy theo có dục, ly dục trong một thức lại-da, tất cả đều đồng. Dù rằng báo của ba thời khác nhau, nhưng trước sau là một hành, nghĩa là vì thân nối tiếp nhau”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Trong một cội có hạt giống các cội, hệ nghiễm đồng, lia nghiễm trái với đây.

Văn thứ tám, giải thích: “Thô nặng có ba nghĩa:

1) Nghĩa tổn não, chỉ có pháp nghiễm ô

2) Nghĩa không có kham nhậm, cũng có cả vô ký.

3) Tánh có nghĩa lậu, có cả thiện hữu lậu. Hạt giống của pháp thiện không có hai nghĩa trước, nên không gọi thô nặng. Nhưng luận Quyết Trạch nói có tự tánh nghiệp thô, nặng. Luận Đối Pháp cũng gọi hữu lậu thô nặng.

Y cứ nghĩa thứ ba cũng gọi thô nặng, cho nên, tất cả tự thể sở y tức là thân năm uẩn Dị thực, nơi phiền não nương tựa, gọi là chỗ mà thô nặng theo; hạt giống vô ký khởi, gọi là cái do thô nặng sinh ra.

Thể là Dị thực vô phú, vô ký, gọi là tự tánh thô nặng.

Thứ chín, các tên của hạt giống, lược nêu có mười một:

1) Giới: Là nghĩa nhân, nghĩa tánh

2) Chủng tánh: Nghĩa riêng của loại

3) Tự tánh: Nghĩa thể

4) Nhân: Nghĩa là năng sinh ra cái khác.

5) Tát-ca-da: Nghĩa thân giả dối, có thể phá hoại.

6) Hí luận: Nghĩa phân biệt đối tượng được phân biệt.

7) A-lại-da nghĩa được tiếp nhận chấp mắc.

8) Thủ: Nghĩa bị giữ lấy.

9) khổ: Nghĩa ép ngặt.

10) Tát-ca-da kiến (thân kiến) và chỗ sở y của ngã mạn: Nghĩa là chỗ nương tựa sinh ra ngã kiến, ngã mạn.

Phần thứ mười, văn xả, đắc: Nghĩa là hạt giống của pháp thiện, vô ký, do sức phiền não thường năng sinh quả, cho nên nhập Niết-bàn không được tự tại, vì cắt đứt duyên kia, nên không dẫn dắt đến quả. Tùy ý diệt độ, gọi là nội duyên tự tại.

Từ đây trở xuống, chính là nói về bộ phận của thai trong sự tăng trưởng, được chia làm bảy

1) Thời tiết.

2) Giúp bảo thọ.

3) Phần vị.

4) Biến khác.

5) Tướng trụ của Nam nữ.

6) Nỗi khổ ép ngặt của mẹ.

7) Tướng ra thai.

Trong thời tiết, ở trong thai suốt ba trăm mười tám ngày, bảy ngày. Qua bốn ngày sau, hợp với lối hẹp của hai trăm bảy mươi ngày, mới bắt đầu sinh ra. Đây là nói người hoàn toàn đầy đủ. Có người trải qua chín tháng, tức là ba trăm mười tám lẻ bảy ngày. Đôi khi quá thời gian này, tức là trải qua thai mười tháng. Đây là nói trường hợp của người rất đầy đủ.

Kinh Bát Vị Trung Ngũ Vương chép: “Bảy ngày trông như váng sữa mỏng; mười bốn ngày trông như bơ đặc; hai mươi mốt ngày trông như váng sữa đông đặc; hai mươi tám ngày, trông như khối thịt; năm mươi bảy ngày nhau thành thực.

Khởi gió vào thai, thổi ngay nơi thân thể của đứa bé. Sáu căn mở rộng ra, ở dưới sinh tạng trong thai mẹ và trên thực tạng, cho đến mười tháng.

Lại, Yết-la-lam, Hán dịch là gọi Tạp ược, cũng dịch là hòa hợp. Đây là mọi nhân khổ đầu tiên khởi lên. Sự tổn não đã dụ rộng, lập ra cái tên mũi tên. Luận Câu-xá gọi mũi nhọn, hi mạt là dầy. Át-Bộ-Đàm, Hán gọi là Bào, cũng gọi là tức nhục.

Bế-thi, Hán dịch là Ngưng kết. Kiện-nam, Hán dịch là kiên hậu (cứng, dầy). Bát-la-xa-khư, Hán dịch là chi phần. Nếu y theo mười hai chi thì bao gồm tám phần vị này.

Phần vị thứ nhất chung cho chi thức, trong chi danh sắc, vì thể nhiều sát-na, kể là Át-bộ-đàm, cho đến phần vị: Tóc, lông móng v.v... chỉ ở trong chi danh sắc. Hai vị căn, hình ở chi sáu xứ.

Trong đối khác, văn chia làm hai:

- 1) Nêu bốn khác.
- 2) Tù y theo giải thích riêng.

Từ đây trở xuống, là nói về việc đã làm ngoài thai. Văn chia làm hai: Trước nói về dần dần tạo ra sự nghiệp. Sau, “lại, các hữu tình v.v...” trở xuống, là nói từ vô thủy đến nay, trước năng sinh, sau, thường tạo ra bốn duyên. Tướng văn trong phần trước có sáu, nghĩa là đầu tiên là xúc, có sáu xúc. Kế là học sự việc thế gian. Sau đó, mê đắm, chấp mắc về nhà cửa. Kế đến, là gây tạo các nghiệp. Tiếp theo, là cảnh giới thọ dụng. Về sau, thậm chí, hoặc đi qua năm cõi, hoặc vào Niết-bàn. Đây là xét về tướng của văn:

“Xuất sinh v.v...” trở xuống gọi là chi xúc, y cứ giải thích trong bốn duyên.

Nói “Lại, các hữu tình v.v...”, là nhắc lại “năng sinh”. Đối với hữu tình v.v... như thế v.v...” nói về “sở sinh”

“Người kia có v.v...” trở xuống, là nói lại “năng sinh”, “sở sinh”.

“Cho đến đây, lại ở nơi khác”, nghĩa là ông nội có thể sinh ra cha; cha sinh ra con; con sinh ra cháu; sau cháu, sinh ra chắt”.

Từ đây trở xuống, là nói về “Không quán” dứt hết lậu.

Cú nghĩa như thế, rất là giải ngộ. Vì sao? Vì ai có khả năng dứt hết lậu mà vô ngã? Nghĩa là cái ta không có v.v...

Ngài Tam Tạng nói: “Ngã, không có ngã sở, thời, phương phần. Ngã sở là trẻ con, tôi tớ, chuỗi anh lạc v.v... Cái nào? Là ngã sở: Những việc của cái, dụng cụ, đã không có cái này, là biết rõ không có ngã.

Kế là nói ngã cũng đều không:

Hoặc là phần, hoặc ai? Hoặc sự. Nghĩa là tự thể của ông và tôi không phải cái khác. Hoặc tôi trang nghiêm phần; hoặc trẻ con, tôi tớ là ai?, hoặc của cái, sự, đã không có những việc này biết rõ là vô ngã.” Kế là nói ngã cũng đều chẳng thật, hoặc phân, hoặc ai, hoặc sự, nghĩa là tự thể của ông và tôi chẳng phải là ngã của người khác, hoặc phần trang nghiêm, hoặc ai là tôi tớ, hoặc giúp sanh việc. Nói biết vô ngã.

Luận sư Bị nói: “Ngã không có phần của năm uẩn, không có ngã kiến thì cái gì là sự sở kiến của ngã. Không phải chỉ tự thân không có ba nghĩa này, mà thân người cũng không có phần, ai, Sự.”

Pháp sư Cơ lại giải thích: “Phần, nghĩa là loại, ai là thể, sự, nghĩa là vật.

Đầu tiên, phá ngã sở (cái ngã sở); về sau, phá thể của ngã. Hoặc phần, nghĩa là thời phần của ba đời. Ai? Tức thể của ngã; sự, chính là cái ngã có.

Ban đầu, quán thân mình, về sau, quán thân người.

Từ trên đến đây, chính thức nói về chết, sống của phần trong đã xong.

Kế là nghĩa bàng thừa, nói về thành, hoại của phần ngoài.

Đầu tiên, là kết trước, là hỏi sau, là hai cặp hỏi giải thích.

Trong giải thích có hai:

1) Nói chung về thành, hoại.

2) “Thế nào là hoả tai? v.v...” trở xuống, là phân biệt riêng về thành, hoại.

Trong phần một ở trước lại có bốn:

a) Nói thành, hoại là do nghiệp của chúng sinh.

b) Nói về kiếp ba tai, xứ sở hoại.

c) Nói về hoại, không, thành, trụ, mỗi kiếp đều có hai mươi kiếp là một đại kiếp.

d) Nói thọ lượng của Phạm Thế có công năng chiêu cảm thành nghiệp hoại, tức là do tâm, từ, siểm, cưỡng v.v... là nghiệp của hoả tai; mừng, là nghiệp của thủy tai; vui và hai hơi thở là nghiệp của phong tai. Cõi Dục có cả hai nghiệp thiện và bất thiện, còn cõi trên, chỉ có thiện.

Luận sư Cảnh nói: “Thế của Nghiệp ban đầu thịnh vượng, cảm thế giới thành. Về sau, thế của nghiệp suy yếu cảm đến thảm trạng tan, hoại này, chính là nói lúc nghiệp suy yếu là cảm đến nghiệp tan hoại. Cho nên, luận chép: “Vì trong lửa tâm, từ, nên bên ngoài cảm hỏa tai v.v...”

Nói “Do phần ngoài kia v.v...” Trở xuống, là chế phục chung vấn nạn. Nạn rằng: “Sư Thành, hoại của ngoại khí, là hoại, nghiệp diệt riêng. Sinh tử của phần trong, tử là nghiệp diệt riêng”.

Dưới đây là đáp:

“Vì khí thế gian ngoài kia đều tan hoại, nên đối đãi với nghiệp hư hoại. Cái chết bên trong chỉ vì tuổi thọ hết, chứ không phải đều tan hoại, cho nên không có nghiệp chết riêng. Sẽ giải thích ở dưới:

Vì sao? Vì khí thế gian ngoài là phi tình, sắc thô thường nối nhau bám trụ. Diệt ngay là thật nạn, cho nên hoại là do nghiệp. Bên trong, thân thức nương giá. Thức tồn tại khi tuổi thọ còn, nghiệp hết, tuổi thọ mất, nhậm vận dễ lui dứt.

“Lại, cảm thành khí v.v...”, nghĩa là có thể cảm nghiệp của khí ngoại, nhất định dẫn đến một kiếp không tăng, không giảm, do cộng nghiệp của tất cả chúng sinh chiêu cảm.

Cái chết bên trong thì không như thế. Do các thứ nghiệp, mạng sống lâu không nhất định, nên đều cảm nghiệp riêng. Nghiệp hết, tuổi thọ mất, tức là nhậm vận chết (chết một cách tự nhiên).

Trong Giải thích nơi chốn có hai:

1) Nói về chỗ bị ba tai hủy hoại.

2) Nói về chỗ không bị ba tai hủy hoại, gọi là Tai đỉnh.

Kế là nói về bốn kiếp: Mỗi kiếp đều có hai mươi kiếp làm thành một đại kiếp. Trung, chỉ có hai mươi kiếp Trụ có tăng, có giảm, có thể nói là hai mươi.

Ba kiếp Thành, Hoại, Không đã không có tăng, giảm. Y theo lượng kiếp Trụ trong giải thích thọ lượng phạm tiền ích thiên tức là trời Phạm Thụ thứ hai. Vua Đại Phạm trước kia đã làm nhiều lợi ích.

Mặt trời, mặt trăng, năm, số. Luận Pháp Hoa nói: “Ngày, đêm, mặt trời, mặt trăng, thì giờ, năm, lấy đây làm số” Bồ-tát Địa cũng nói: “Kiếp có hai thứ”

a) Mặt trời, mặt trăng, năm. Số

b) A-tăng-kỳ.

Hai A-tăng-kỳ kiếp, tức là đoi, bệnh, đao binh. Kiếp tiểu ba tai gọi là Trung kiếp. Ba trăm hai mươi kiếp tức là một kiếp, thọ lượng của trời phạm Chúng. Bốn trăm bốn mươi kiếp là một kiếp thọ lượng của phạm tiền ích thiên. Năm trăm sáu mươi kiếp là một kiếp, tức thọ lượng của Phạm Thiên. Sáu trăm tám mươi kiếp là một kiếp, tức là kiếp Đại tai. Bảy mươi bảy hỏa tai là một kiếp, tức kiếp thỉ tai. Tám mươi bảy thỉ tai là một kiếp, tức kiếp phong tai. Chín mươi ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Theo phẩm A-tăng-kỳ, của kinh Hoa Nghiêm chép quyển hai mươi bốn : Nói có một trăm hai mươi số, thứ một trăm hai mươi gọi là một A-tăng-kỳ, theo nhiếp luận bản cựu dịch nói: “Có ba mươi ba A-tăng-kỳ”.

Kiếp thứ hai là một tiểu kiếp, gồm hai mươi một kiếp, thứ ba là một Trung kiếp, là chín. Đầu tiên là một đại kiếp, vì là ba. Dù có văn này, nhưng vẫn không biết tích với số nào để thành số “không”, hoặc luận Câu-xá dẫn kinh Giải Thoát nói là sáu mươi số, chỉ có năm mươi hai, còn tám số quên mất. Thứ năm mươi hai; gọi là A-tăng-kỳ, vẫn lấy mười tích số, không đồng với Hoa Nghiêm từ muôn trở lên đều là bội tích, nghĩa là muôn muôn, gọi là ức v.v... Vì đại tiểu đều khác nên lấy số không đồng lại, lại như kinh An Lạc, kinh Lâu Thán v.v..., Đức Phật tùy cơ nói kiếp số nhiều ích, chẳng phải một, nhưng luận Đại Trí Độ dẫn kinh nói: “Có ngôi thành rộng muôn trăm do-tuần chứa đầy hạt cải. Có người sống lâu cứ một trăm năm lấy ra một hạt cải đến khi, số hạt cải hết mà kiếp vẫn chưa hết, cho đến nói rộng”.

Ngài Chân Đế nói: “Như kinh chép: ‘nhúm hạt cải hết, mà kiếp vẫn chưa hết, nghĩa là cứ một trăm năm, lấy ra một hạt, mãi cho đến khi chỉ còn một hạt cải, không gọi là nhóm, nên gọi nhóm hết, vì có hạt cải còn, nên gọi kiếp cũng chưa hết.’”

Nói thọ lượng của Đại Phạm là sáu mươi trung kiếp, nghĩa là theo tương truyền từ xưa đến nay đều nói rằng: “Phạm Vương chỉ trải qua năm mươi tám trung kiếp, thiếu hai trung kiếp. Vì sao? Một kiếp riêng đầu tiên trong kiếp Thành, là hình thành khí thế gian. Phạm vương đời vị lai chỉ trải qua mười chín kiếp. Khi kiếp hoại, thì một kiếp hỏa xảy ra, Phạm Vương cũng không có. cho nên Phạm vương sống trong tám mươi kiếp của một đại kiếp, trừ lúc chính thức trống không, thì có hai mươi kiếp. Cứ mỗi thời kỳ thành, hoại, đều trừ đi một kiếp, chỉ thọ năm mươi tám kiếp mà nói là thọ mạng sáu mươi trung kiếp hợp thành một kiếp, nghĩa là phán quyết chung theo số nhiều. Cho nên luận Trí Độ nói

rằng: “Thọ mạng của Phạm Vương là năm mươi tám kiếp”. Nếu theo kinh Khởi Thế nói: “Phạm Vương trở lại đây đủ sáu mươi tiểu kiếp”, Luận Trí Độ kia nói rằng: “Lúc thế giới mới hình thành, đầu tiên hình thành cung điện của ba vị trời Sơ Thiên. Cung điện cõi Dục chưa có, lúc bấy giờ, Phạm Vương đã từ địa trên ở cung Phạm Thiên. Sau đó, mới tạo thành trời không cư... của cõi Dục, tức đủ hai mươi kiếp Thành.

Về sau, vào thời kỳ hoại, đến kiếp thứ hai mươi, lửa cõi Dục nổi lên, đốt cháy trong thời gian lâu, Phạm vương vẫn tồn tại. Thế lửa trải qua khá lâu, cháy gần đến cung Phạm, Phạm vương mới bỏ đi. Cho nên, về kiếp hoại cũng trải qua hai mươi kiếp, thì cũng đã trải qua sáu mươi kiếp. Kiếp hoại này và lửa v.v... cảm tương đương với phần vị thời lượng hoại mới thành. Thọ lượng của Đại Phạm là thời gian nhất định một kiếp. Ba phẩm tụ của ba vị trời nẩy sinh khác nhau, vì kiếp số khác nhau”.

Hỏi: Y cứ vào luận này và Câu-xá v.v... nói về thế giới chúng sinh của mười chín kiếp hoại, và khí thế giới của kiếp hoại thứ hai mươi. Hoặc kinh Lập Thế nói: “Mười kiếp hoại chúng sinh thế gian, mười kiếp hoại khí thế gian”. Nếu là hội thông, thì giải thích rằng: “Thấy nghe đều khác nhau, khó có thể hội thích”.

Lại giải thích kinh chép: “Đầu tiên từ hoại địa ngục cho đến hoại Phạm Phụ, trải qua mười tiểu kiếp chúng sinh thế gian hoại, Phạm vương chưa sinh lên. Do Đại Phạm thiên độc nhất, vì ít nên xếp vào khí thế gian. Trong luận nói có nhiều ít. Vì luận chung nên nói mười chín kiếp hoại hữu tình thế gian; một kiếp hoại khí thế gian nương theo đó nói lượng của kiếp hiền, bổ khuyết giải thích: Có người nói: “Không phải kiếp thủy hỏa mà chính là y cứ vào thời kỳ ra đời trước, sau của hằng ngàn Đức Phật, đã trải qua hằng trăm ngàn kiếp lửa nước v.v... suốt trong thời gian lâu dài, gọi chung là kiếp Hiền. Cho nên luận Câu-xá nói: “Bồ-tát Thích-ca trong sơ tăng kỳ, đã gặp bảy mươi lăm ngàn Đức-Thế Tôn, sau cùng gặp Đức Phật với danh hiệu là Kế Na Thi Khí. Đến tăng kỳ thứ hai, gặp bảy mươi sáu ngàn Đức Thế tôn, sau cùng gặp Đức Phật danh hiệu là Nhiên Đăng. Qua-tăng-kỳ thứ ba, gặp bảy mươi bảy ngàn đức Thế Tôn, sau cùng, gặp Đức Phật hiệu là Tỳ-bà-thi. Sau khi trải qua ba a-tăng-kỳ, nhập một trăm kiếp, nghĩa là kiếp nước, lửa v.v... Tu tướng nghiệp báo trong ba mươi hai kiếp, gặp hai Đức Phật, đó là Phật Thi Khí và Tỳ-Xá-Phù Phật. Như kinh Phật Danh nói: “Tỳ bà và Phật Thi khí, Phật Tỳ-Xá-Phù, đều là trong số một ngàn vị Phật thuộc kiếp Trang nghiêm ở quá khứ, mà không đồng một kiếp nước lửa v.v...”

Sắp biết kiếp hiền, cũng không phải là kiếp nước, lửa v.v...”. Cho nên kinh Quán Dược Vương, Dược Thượng Bồ-tát nói rằng: “Bấy giờ Phật Thích-ca bảo đại chúng rằng: “Nhớ lại thuở quá khứ xa xưa, ta đã xuất gia học đạo trong thời mạt pháp của Phật Diệu Quang, nghe năm mươi ba danh hiệu Phật, tâm sinh vui mừng, lần lượt nói với nhau đến ba ngàn người, khác miệng đồng lời xưng danh, lễ bái, trừ vô lượng tội.

Một ngàn vị đầu tiên, Phật Hoa Quang là người đứng đầu, sau đó, đến Phật Tỳ-Xá, là một ngàn Phật trong kiếp Trang nghiêm ở quá khứ. Ngàn vị giữa thì Phật Câu-Lâu-Tôn là thượng thủ, dưới đến Lưu Chí Như Lai, một ngàn Phật trong kiếp hiền. Một ngàn vị sau, Nhật Quang Như lai là thượng thủ, dưới đến Tu-di Tướng, sẽ được thành Phật trong kiếp tinh tú.”

Theo đây mà giải thích, về lý, thì e không đúng. Dựa vào giáo pháp Tiểu thừa, như luận Câu-xá phán quyết về nghĩa của Đại thừa, có nói rằng: “Ba vị Phật sau cuối trong kiếp Trang nghiêm không đồng một đại kiếp thì ra đời, ngàn vị Phật chứng quả trong kiếp Hiền cũng ra đời trong kiếp riêng, về lý, cho rằng không, đúng, vì sao? Vì trong Tiểu thừa nói trong ba-tăng-kỳ gặp số lượng Phật hoàn toàn ít”. Đại thừa thì không như thế. Tại vì sao? Vì theo kinh Niết-bàn chép: “Đầu tiên y theo Bồ-tát cúng dường năm Hằng sa Phật.”

Sơ địa đến lục địa là lần thứ hai, dựa vào việc gặp sáu hằng sa Phật; bảy, tám, chín địa là lần thứ ba, dựa vào việc gặp bảy hằng sa Phật. Đệ Thập địa, là lần thứ tư, dựa vào việc gặp tám hằng sa Phật.

Lại, sau ba-tăng-kỳ, không có một trăm riêng tu báo tướng”, Nhưng kinh Bản Nghiệp Anh Lạc v.v... nói rằng: “Sau đệ Thập địa, lại trải qua nhiều kiếp tu một ngàn Tam-muội, học bước đi của voi v.v... chỉ là thuộc về số a-tăng-kỳ thứ ba. Nên biết rằng, mỗi ba kiếp có một vị Phật. Mỗi Đức Phật đều y cứ ở một kiếp nước, lửa v.v... đồng với kiếp ra đời. Không có đại kiếp riêng, gọi là kiếp hiền. Làm sao biết được? Vì như kinh Kiếp hiền và kinh Trường A-hàm v.v... đều nói rằng: “Kiếp này khi mới thành, nước mưa tràn đầy, các thiên hạ của cõi trên, ngắm xem nhóm nước, thấy một ngàn đóa sen đồng tỏa ánh sáng rực rỡ như một trăm ngàn mặt trời, chư thiên ghi nhận rằng: kiếp này là đại Hiền kiếp. Trong kiếp này sẽ có một ngàn vị Phật xuất hiện ở đời. Ở đây đâu không ghi nhận ở kiếp nước, lửa có một ngàn vị Phật ư?”

Lại nữa, theo Lập Thế tỳ-đàm chép: “Có tám tiểu kiếp trong kiếp Trụ đã quá, mười một kiếp vị lai; một kiếp hiện tại thứ chín này, có bao nhiêu kiếp đã qua, bao nhiêu kiếp chưa đến? Vị lai nhất định hơn sáu

trăm chín mươi năm.

Lập Thế tỳ-đàm chép: “Thời nay, là kiếp thứ chín trong kiếp Trụ, tức phối hợp rằng: Trong năm kiếp trước không có Phật, trong kiếp thứ sáu có Phật Câu-lưu-tôn, cho đến kiếp thứ chín hiện nay, có Đức Phật Thích-ca Ra đời. Trong kiếp thứ mười, có Đức Phật Di-lặc, mười kiếp Trụ kế sau, sẽ không có Phật ra đời, là không đúng.”

Phương Tây (Thiên-trúc) phán quyết: “Bây giờ đang là kiếp Trụ, đã có bốn Đức Phật ra đời”.

Trường A-hàm nói: “Đức Phật Ca-lưu-tôn ra đời, vào lúc con người sống bốn muôn tuổi, nghĩa là từ kiếp Trụ, người đầu tiên, tuổi thọ vô lượng. Giảm cho đến lúc bốn muôn tuổi, Đức Phật Ca-lưu-tôn ra đời. Lúc ba muôn tuổi Đức Phật Câu-na-hàm ra đời. Lúc hai muôn tuổi Đức Phật Ca-diếp ra đời. Một trăm tuổi đức Thích-ca ra đời.

Từ đây giảm dần cho đến mười tuổi, đến kiếp đao binh, như kinh Di-lặc Hạ Sinh chép: “Gần đến kiếp đao binh, nếu dựa theo Lập Thế tỳ-đàm, thì gần đến kiếp đói khát, nên luận ấy nói: “Kiếp này vì đói cho nên diệt tận, quá mười tuổi rồi, tuổi thọ sẽ tăng dần, đến tám muôn tuổi, Đức Phật Di-lặc ra đời.

Đã dựa vào sự phán quyết của phương tây, thì nay phải là kiếp đầu của kiếp Trụ.

Lập Thế chép: “Kiếp này vì đói khát cho nên cùng tận.”

Lại, theo Du-già thì lúc con người sống ba mươi tuổi, sẽ có kiếp đói khát, kinh Di-lặc Thành Phật chép: “Gần đến kiếp đao binh, nghĩa là lúc con người chỉ còn thọ mười tuổi, về sau, có chín trăm chín mươi lăm Đức Phật trong mười chín kiếp ra đời.

Dựa vào Lập Thế, nay là kiếp thứ chín, đức Di-lặc sẽ ra đời vào kiếp thứ mười. Chư Phật khác, mười kiếp về sau, sẽ phân bố ra đời dần dần, lại còn hai ngàn Đức Phật ra đời, cũng được không trở ngại. Bởi vì ở trung gian, mỗi Đức Phật ra đời, đều cách nhau rất nhiều năm, nhiều kiếp.

Dùng Đại thừa để phán quyết, kiếp Trụ đầy đủ hai mươi đời sau, trên hai mươi. Lúc kiếp sơ giảm, có bốn Đức Phật ra đời; lúc tăng, một Đức Phật ra đời, tức kiếp sơ đã có năm vị Phật ra đời.

Từ chư Phật khác, sau mười chín kiếp Trụ, trước sau, phân bố xuất hiện ở thế gian.”

Trường A-hàm chép: “Phật Tỳ-bà-thi ra đời, lúc con người sống lâu tám muôn tuổi. Phật Thi-ra đời khi con người sống lâu bảy muôn tuổi. Phật Tỳ-xá-bà ra đời lúc con người sống lâu sáu muôn tuổi, lẽ ra

là trước kiếp nước, lửa, trong hai mươi kiếp Trụ kiếp Trụ, khi kiếp Trụ sau cùng giảm dần, mới ra đời.

Kiếp cách nhau là số bảy Đức Phật, cho nên nêu một chỗ.”

Hỏi: “Thế của kiếp là gì?”

Giải thích: “Nếu y cứ Tiểu thừa, thì thời gian không có tự thể riêng. Y cứ pháp để nói, thì lấy năm uẩn làm thể. Đại thừa thì lấy thời gian trong hai mươi bốn bất tương ưng hành làm thể.

Từ đây trở xuống là thứ hai, phân biệt về thành, hoại, trong đó có hai:

1) Nói về hoại.

2) “Như thế, lược nói thế gian đã hoại, thế nào là thế gian thành?

Trở xuống, là nói về thành, hoại, trong đó chia làm ba:

1) Lửa.

2) Nước.

3) Gió.

- Trong lửa, có hai:

1) Hỏi.

2) Đáp - Đáp có ba

a) Nói về hai mươi kiếp Trụ là hoại dần

b) “Sau cùng, tăng rồi v.v...” trở xuống, là chính nói hai mươi kiếp hoại”

c) Thế giới như thế, là đều đốt cháy trở xuống, là nói về kiếp “Không”

Vấn đầu lại có ba:

1) Nói chung một tăng, một giảm trong kiếp Trụ

2) “Lại, kiếp trong đây” v.v... trở xuống, là nói lúc kiếp giảm, Tiểu tai suy tổn, về sau, tăng dần.

3) “Như thế, hai mươi giảm, hai mươi tăng v.v...” , Kết thành kiếp Trụ.

Nói: “Nghĩa là có thời gian như thế, cho đến tám muôn năm. Nghĩa là người Châu Thiện Bộ từ thọ mạng vô lượng ban đầu, giảm đến tám muôn. Dù nói rằng: “Mạng sống lâu vô lượng, nhưng không quá nửa kiếp, vì Bà-Sa nói: “Nghịệp thiện cõi Dục không có khả năng được một kiếp sống lâu, hoặc địa ngục Vô Gian và quả nghịệp bất thiện của Trì địa Long vương có khi trải qua một kiếp.”

Hỏi: “Cuối kiếp Thành là đầu kiếp Trụ, sao chấp cho là khác?”

Pháp sư Cảnh nói: “Một kiếp sơ trong kiếp Thành, hình thành khí thế gian. Mười chín kiếp sau, phân bố dần chúng sinh, trú xứ của năm

đường đều khắp các cõi. Người ở Châu Thiệm-bộ thọ mạng vô lượng, chưa giảm một phần, bảy giờ, xếp vào kiếp thứ mười chín trong kiếp Thành. Từ tuổi thọ vô lượng, giảm dần chưa đến tám muôn tuổi, tức thuộc về kiếp thứ hai mươi trong kiếp Thành. Từ tuổi thọ tám muôn, giảm dần cho đến mười tuổi, tức thuộc về kiếp Trụ thứ nhất trong hai mươi kiếp Trụ. Vì thế, nên luận Câu-xá nói: “Từ lúc thế gian mới thành mười chín kiếp khác vô lượng thời gian đã vượt qua đây, chúng sinh sống lâu vô lượng, giảm dần cho đến mười tuổi, thế gian đã Thành và Trụ, là kiếp Trụ riêng ban đầu”.

Ngài Chân Đế sơ rằng: “Từ châu Diêm-phù trong kiếp Thành, có người đã bỏ mạng sống lâu chưa giảm xong, trở lại kiếp Thành, từ đầu đến thời kỳ này, là đã trải qua đủ mười chín kiếp riêng. Từ tuổi thọ giảm một phần trở đi, chưa đến tám muôn tuổi trở lại, là kiếp thứ hai mươi trong kiếp Thành. Nếu giảm đến tám muôn, cho đến mười tuổi, tức là đầu kiếp Trụ. Từ đây trở về sau, tăng đến tám muôn tuổi, tức là cuối kiếp thứ nhất trong kiếp Trụ.”

Pháp sư Thái nói: “Tuổi thọ giảm đến tám muôn, là kiếp sơ thứ nhất trong kiếp Trụ, cho đến mười tuổi, là cuối kiếp thứ nhất trong kiếp Trụ”.

Trong đoạn thứ hai có hai:

1) Nói về sự suy đồi, hư hại của ba tai.

2) “Lại, có thể bỏ tổn giảm thọ lượng” trở xuống, là nói sẽ tăng dần về sau.

Văn đầu lại có hai:

1) Nói về tiểu ba tai.

2) Nói về ba sự suy tổn. Luận Câu-xá chép: “Tiểu ba tai sẽ khởi lên vào lúc con người sống chỉ mười tuổi, cho nên kiếp riêng sanh ra, nay Đại thừa đồng với một kiếp ba mươi, hai mươi, mười tuổi xảy ra sự nghèo, thiếu bệnh hoạn, đao binh như sau: Như luận Câu-xá nói:

Bệnh nghèo thiếu có ba việc:

1) Xương trắng.

2) Vận trù (Một trăm tuổi).

3) Nhóm họp rộng như thuyết ấy nói.

Hỏi: vì sao ba tai này đối với tuổi thọ có dài ngắn?

Cảnh Luận sư nói: “Do vào kiếp nghèo nàn, thiếu thốn, có một ít thức ăn mà phải trải qua một thời kỳ rất lâu. Trong kiếp bệnh dịch, vì sức thuốc duy trì yếu ớt, nên trải qua thời gian sau, càng ít hơn, tướng đao binh tàn sát hết sạch chỉ trong vòng bảy ngày, thời gian rất ngắn

ngủ!”

Cơ Luận sư lại giải thích: “chính vì phẩm hạ, trung, thượng của nghiệp bất thiện, nên chiêu cảm thời kỳ ba tai có dài, ngắn. Tai binh đao, chỉ nói là bảy ngày, không nói đêm, vì tướng ban ngày, thấy giết hại dễ thành. Trong đêm, đen tối, việc giết hại ít hơn, nên lược qua không nói ban đêm”.

Có kinh khác nói: “Do thí cho chúng sinh một nắm thức ăn, nên không sinh trong kiếp đói khát. Do thí cho chúng sinh một viên thuốc ha-lê, nên không đọa vào kiếp bệnh dịch. Do một ngày một đêm giữ giới không sát, nên không đọa trong kiếp đao binh.

Nếu theo Tiểu thừa thì, mười chín kiếp trước trong kiếp Trụ, đã có tiểu ba tai, vì rằng đến kiếp thứ hai mươi, chỉ có một kiếp tăng lên, mà không phải giảm. Cho nên không có tai biến xảy ra.

Ở đây dựa theo Đại thừa, thì có hai mươi kiếp giảm, hai mươi kiếp tăng. Cho nên, hai mươi kiếp đều có tiểu tai hiện ra.

Hỏi: Trong ba tai như đao binh v.v... tai nào khởi lên trước?

Đáp: Nếu theo Lập Thế nói, thì khoảng giữa hai mươi tiểu kiếp, có tiểu ba tai, theo thứ lớp xoay vần:

- 1) Đại tật dịch.
- 2) Đại đao binh.
- 3) Đại đói khát.

Nay, luận Du-già này dường như dựa vào tuổi thọ tăng, giảm mà luận cho nên nói: “Lúc con người thọ ba mươi tuổi có tai thiếu thốn; lúc con người thọ hai mươi tuổi, có tai tật bệnh; và lúc mười tuổi thọ có tai đao binh. Ba tai này đều lấy đại chủng bất bình đẳng làm thể.

Trong sự suy đồi, hư hoại, như kinh lâu Thán nói: “Tuổi thọ giảm còn năm tuổi, thân cao bảy tấc.”

Xét theo cổ Luận Câu-xá bản dịch chép: “Con gái, năm tháng gả lấy chồng. Cha mẹ mong cho con mình sống đến trọn mười tuổi, cũng như ngày nay, mong được sống lâu một trăm tuổi.

Mía ngọt thay đổi vị, nghĩa là đường cát là do mía ngọt chế thành, là thay đổi mía ngọt thành vị.

Kết trong kiếp Thành, Trụ:

Nói hai mươi kiếp giảm, hai mươi kiếp tăng, nghĩa là nếu luận Đối Pháp thì đồng với Tiểu thừa: Một kiếp đầu chỉ giảm; một kiếp sau chỉ tăng khoảng giữa, có mười tám kiếp có thượng, có hạ, so với luận này không đồng, thì làm sao hội thích?

Pháp sư Huyền Trang nói: “Việc này không trái nhau. Vì một

kiếp sơ chỉ có giảm, nghĩa là tối sơ trong kiếp giảm này, đã không có tăng trước, cho nên, nói rằng, một kiếp đầu chỉ có giảm; một kiếp sau chỉ có tăng. Nghĩa là trong kiếp Trụ thứ hai mươi, chỉ có tăng, là đầy đủ. Hưởng về sau, không còn mỏng, giảm nữa. Cho nên nói là một kiếp sau chỉ có tăng.”

Luận sư Quang giải Thích-câu-xá rằng: “Hỏi: Kiếp đầu chỉ có giảm, kiếp sau chỉ có tăng. Như vậy, y cứ vào thời gian nào để đồng với mười tám kiếp ở giữa”.

Giải thích: “Hai mươi kiếp Trụ trước sau đối lập nhau: Hữu tình trước thì phước vượt hơn; trong khi hữu tình sau, phước thua kém. Kiếp sơ trong trụ, vì phước vượt hơn, nên được thọ dụng cảnh giới mầu. Nhiệm trên, nên thời gian sau rất chậm. Từ kiếp thứ hai trở đi, phước kiếp đó sẽ mỏng dần. Trên hơi chậm, dưới nhanh dần. Vì cảnh của thời gian trên vượt hơn, vì phước mỏng, nên không được thọ dụng, do đó, thời gian trên chậm. Vì thời gian, dưới, cảnh yếu kém, phước mỏng, nên được thọ dụng, và do đó, thời gian dưới nhanh.

Như thế, cho đến kiếp thứ hai mươi, vì phước rất mỏng, nên thời gian trên rất chậm, cho nên kiếp đầu, sau đồng với mười tám kiếp trung.”

Lại giải thích: “Lúc tuổi thọ chưa giảm, là thuộc về kiếp Thành. Vào kiếp sơ, con người sống vô lượng tuổi, thì khi giảm trở đi, mới gọi là kiếp Trụ. Từ kiếp thứ hai mươi trở lên, đến hơn tám muôn năm, vì còn phải trải qua nhiều thời gian dừng nghỉ, nên, kiếp sơ, hậu đồng với mười tám trung”.

Xét Lập Thế nói: “Vào cuối kiếp dịch bệnh, những người còn sống sót, đều ở rải rác, bảy giờ, có một người tập hợp nam, nữ trong Diêm-phù để lại, chỉ còn hạn một muôn người để làm giống người ở đương lai. Họ sống lâu đến tám ngàn tuổi, bảy giờ mới đi lấy chồng, với tuổi thọ là tám mươi ngàn tuổi, trụ A-tăng-kỳ năm, cho đến chúng sinh chưa gây ra mười điều ác.

Từ khi khởi lên mười nghiệp đạo ác, mạng tuổi thọ do mười nghiệp ác này mà giảm xuống còn mười tuổi, trải qua một trăm năm thì giảm một tuổi, kể đó, cứ một trăm năm lại giảm mười tuổi. Theo thứ lớp giảm dần cho đến hơn mười tuổi. (Giải thích rộng về tuổi thọ tăng, giảm, nên tìm ở văn của luận Tập Thế kia).

Vả lại, dựa theo lâm Pháp sư ký, thì từ sau Phật diệt độ đến nay, Đại chu Trường An, năm thứ năm, năm Ất ty, đã trải qua một ngàn bảy trăm lẻ năm, năm mà tuổi thọ vẫn còn dài, là vì sức trụ lâu của chánh

pháp, nên mới được như thế. Vì Lập Thế nói: “Chánh pháp trong một ngàn năm, mạng sống lâu của chúng sinh thường tiếp nhận một trăm năm không giảm”.

Từ đây trở xuống, thứ hai chính là nói trong kiếp hoại, chia làm hai:

1) Nói về hữu tình thế gian.

Chỉ nói: “Mất rồi, sinh lên trời cực quang tịnh”. Nghĩa là và y cứ cực xứ cùng tốt không chướng ngại cho sự sinh các xứ của các tầng trời ở dưới khác.”

Pháp sư Thời nói: “Quảng luận, vì y cứ vào khởi thủy, nên nói rằng “Nhập sơ định”. Luận này vì y cứ ở chung cuộc, nên nói rằng: “Nhập định thứ hai”.

Luận Lập Thế chép: Năm tầng trời Tịnh cư đến trong hư không cõi Dục để chỉ bảo nhau: đều sinh quang tịnh”.

2) “Kế đến, ngay lúc đó, năm đường thế gian cư trú ở dưới”: Là nói về khí thế gian hoại.

Kinh Khởi Thế chép: “Không có trời mưa, tất cả cây, có trái thấy đều khô héo. Tức thì có gió ca lê thổi. Tám muôn bốn ngàn nước biển đều khiến cho phân tán bốn phía. Từ phía dưới, mọc lên Nhật cung thứ hai, ở lưng chùng núi Tu-di”.

Tiểu thừa do đây, nói là có sáu mặt trời vận chuyển, ánh sáng ở dưới biển, đến khi hoại, mới xuất hiện. Đến nay, Đại thừa vẫn chưa thấy đoạn văn nào nói về hiện tượng này.”

Hỏi: Bảy mặt trời vận hành là sao?

Đáp: Có ba giải thích:

1) Vận hành loan.

2) Lên, xuống là vận hành, chia đường ra vận chuyển xoay vòng quanh, khoảng giữa bảy mặt trời, đều cách nhau năm ngàn do-tuần.

3) Về chiều ngang của bảy mặt trời, bày ra như chim nhận đi.

Luận Chánh lý cho giải thích sau là đúng.

Nói: “Vượt hơn gấp bốn lần ở trước”. Pháp sư Thái nói: “Vàng mặt trời thứ hai so với vàng mặt trời thứ nhất, sức nóng tăng gấp bốn lần. Cho đến mặt trời thứ bảy so với sức nóng của mặt trời thứ sáu, cũng tăng gấp bốn lần. Trong sự vật bị mặt trời thứ sáu đốt cháy, nói về số, không có thứ năm.”

Cơ Luận sư nói: “Thứ năm tức Diệu cao; thứ sáu là đại địa, hợp một chỗ để nói, vì lược qua, nên không nêu tên thứ năm, thể của nó đã nêu”.

Pháp sư Cảnh nói: “Bản dịch chép: “Năm, sáu, núi Tô-mê-lô, và đại địa, nhưng vì người truyền nhau sao chép, nên mất đi “chữ”. Năm xoay vần hừng hực cháy, thấu đến Phạm Thế. Nghĩa là cõi Dục, cõi Sắc, sắc thô tế, loại khác nhau, nên không thể lửa cõi dưới mà đốt cháy khí thể gian cõi trên. Thế lửa giao tiếp nhau, hủy hoại dần thế gian; cho nên nói là lần lượt, thật sự thì lửa riêng đã hủy hoại. Lược chia thành ba việc:

- 1) Việc cỏ, do đầu tiên đã khô,
- 2) Việc nước, do năm thứ cạn.
- 3) Việc cứng, do hai thứ đốt cháy.

Hợp thành tám mặt trời. Nghĩa là mặt trời thứ sáu kia có thể làm hai điều hư hại: Một phần gây hư hại núi non, đất liền. Nửa phần nhập vào gây hư hại nước, nửa phần gây hư hại chất cứng, nên đến thành tám, hợp lại chỉ bảy mặt trời.”

Từ đây trở xuống, là thứ ba nói về trong kiếp “không” “Cho đến ảnh khác cũng không thể được”. Đoạn này dù không có văn, cũng đồng với cõi sắc “không”, “hữu” của Tiểu thừa.

Nói không có ảnh. Nghĩa là vì nói không có chất, chẳng phải là không có “huýnh sắc”. Lại, như kinh nói: “Lúc kiếp không, giống như hang tối” nên biết, có sắc tối.

Hỏi: Sắc tối này do nghiệp nào chiêu cảm?

Cũng là nghiệp của chúng sinh của địa mình, địa người, nghiệp đã chiêu cảm không phải thành, không phải hoại.

Chúng sinh của địa mình được thiên nhãn, nghĩa là vì có thể thấy dụng, hoặc nói không có ảnh, ảnh là huýnh sắc, huýnh sắc cũng là không, không đồng với ảnh kia. Vì không có nghiệp chiêu cảm cho nên không có dụng.

Kế là nói về tử tai.

Thế của ngọn lửa là vượt lên cao, cho nên hỏa tai xảy ra từ phía dưới.

Nước, gió nhờ vào không mà rót xuống, thổi cuốn, do tử tai này phát sinh từ trên, như kinh Kiến Thật Tam-muội chép: “Khởi ba mươi ba lớp mây trong hư không, che khuất cõi Tam Thiên. Trái qua năm trung kiếp, trời trút xuống trận mưa to, tuôn chảy không dứt, như nước tiểu của voi đầu đàn v.v...”

Kinh Khởi Thế nói: “Từ Nhị thiên trở xuống, mưa nước tro sôi, kéo dài một trăm ngàn muôn năm, sóng to trôi nổi bênh bồng. Hầu hết thế giới đều tiêu tan, không còn thừa, gọi là họa tử tai.”

Hỏi: Vì sao bảy lần hỏa tai, mới có một lần thủy tai?

Đáp: Trời Thiếu Quang trong đệ Nhị thiên sống lâu hai kiếp; trời vô lượng quang bốn kiếp; Trời Cực Quang Tịnh tám kiếp. Nếu sau một lần hỏa tai, liền khởi thủy tai thì còn thời gian nào để cho trời kia hưởng thọ tám kiếp? Do đó, tức chứng tỏ sau bảy lần thủy lại xảy ra bảy lần hỏa tai mới có một lần phong tai. Đều nói lên năm mươi sáu lần hỏa tai, mười bảy lần thủy tai mới có phong tai được hình thành.

Trời Thiếu tịnh của đệ Tam thiên sống lâu mười sáu kiếp; Trời vô lượng Tịnh ba mươi hai kiếp; Trời biến tịnh sáu mươi bốn kiếp. Năm mươi sáu lần hỏa tai, mười bảy lần thủy tai, mới có một lần phong tai, bảy thủy hỏa chín - thành sáu mươi ba; về sau một phong tai thành sáu mươi bốn. Do đây ba tai hủy hoại, mỗi kiếp đều riêng.

Dưới đây, nói về phong tai. Kinh Kiến Thật Tam-muội nói: “Lúc phong tai xảy ra, chúng sinh đều sinh đệ Tứ thiên trở lên. Từ giữa hai núi thiết vi, xảy ra đại phong tai, gọi là tăng-già-đa. Trước là thổi khắp cung trời Biến Tịnh. Cứ hai luồng gió thổi vào nhau khiến tất cả đều tan hoại hết.

Kế là thổi đến Quang Âm trở xuống, cung điện va, đập vào nhau, làm cho không còn hình tướng.

Sau đó, gió thổi đến các châu lớn, nhỏ, núi Tu-di v.v... Cõi Tam Thiên trở xuống đều tan diệt.

Từ đây trở xuống, là nói về kiếp Thành. Đại văn có hai:

1) Nói về thế giới thành.

2) “Như thế, an lập thế giới thành” trở xuống, là nói trong đó có thể được các pháp.

Trong văn đầu, vì phong tai ở trên hoại, nên lược qua không nói hỏa, thủy hoại rồi sau mới thành. Nếu theo luận Khởi Thế, thì nói rằng: “Đây là trong hư không, nổi lên nhiều lớp mây to, che khuất cõi Tam Thiên, mưa lớn trút xuống, giọt nước to bằng bánh xe, nhóm nước tăng trưởng, cho đến Phạm Thiên, có bốn phong luân, đem nhóm nước kia khiến cho không tuôn chảy một bên:

1) Gọi là Trụ.

2) Gọi là an trụ.

3) Gọi là không tùy theo.

4) Gọi là bền chắc.

Lúc bấy giờ, nhóm nước, mưa kia dứt hột. Về sau, lại chảy lui trở xuống vô lượng do-tuần. Bấy giờ, khắp bốn phương, đồng một lúc nổi lên ngọn gió lớn tên là A-na-tỳ-la, thổi đến, cuốn bọt này văng tung toé

trong hư không. Trước hết tạo thành cung Phạm, bảy thứ báu xen nhau hình thành. Lượng nước kia rút lui mất đến vô lượng do-tuần.

Lại, Gió quảng bọt nước hình thành cung Thiên ma. Kế là tạo dựng trời tha hóa, cho đến trời Dạ-ma, trời Đao-lợi trở xuống. Từ dưới lên trên theo thứ lớp mà thành lập.

Luận Câu-xá bản cựu dịch chép: “Như sau khi hỏa tai hủy hoại trong kiếp trước, từ Sơ thiên trở xuống, cõi Tam thiên ở trong hư không rất lâu xa. Kiếp sau khắp khởi, ở trong hư không có gió nhẹ dần dần nổi lên, lấy làm hạt giống xuất sinh bảy thứ báu, tạo thành cung Phạm Thiên và tạo dựng bốn tầng trời trong hư không, tất cả cung điện ở cõi Dục.”

Văn chép: “Vì tuổi thọ hết” Nghĩa là giới hạn thân mạng của vị trời kia đã hết, vì nghiệp đã hết, vì sức nghiệp sống lâu của trời bất mãn đã hết. Vì phước đã hết nên mê đắm vị định v.v... liền xả mạng. Nhị thiên, Tam thiên dù có sơ sinh nhưng vì không có tâm tứ, lại không có hy vọng, do không có cưỡng siểm, cũng không có vua tôi. Vì sơ định đều có, nên có Đại Phạm khởi niệm hy vọng.

Xét về tướng văn, cũng tức nói là tùy theo việc tạo lập cung điện, hình thành chúng sinh tức trụ, không đợi hình thành chung, mới phân bố người ở.

Nói: “Từ đây về sau, có đại phong luận v.v... nghĩa là từ trên xuống dưới, tạo Không thiên xong. Sáu đó, tạo trời Đao-lợi trở xuống, trú xứ của năm đường, từ dưới hướng lên trên, theo thứ lớp tạo lập.

Trước là tạo phong luân, lượng đồng với Tam thiên đại thiên thế giới, nghĩa là như bài tụng Câu-xá nói rằng:

*“An lập khí thế gian,
Phong luân ở dưới cùng.”*

Lượng phong luân rộng vô số, đầy mười sáu lạc-xoa. Kế trên là, thủy luân, sâu mười một ức hai muôn lạc-xoa, ở dưới nước tám lạc-xoa. Số thủy luân khác ngưng đọng lại, kết thành vàng ròng. Kim luân của nước này rộng, đường kính mười hai lạc xoa, ba ngàn bốn trăm năm mươi, chu vi gấp ba lần số này.”

Luận sư Bị nói: “Ngưỡng châu bố là dụ cho tướng vai, bàng bố là đê đất, như giữ cái giỏ lúa. Trên, chịu đựng được nước mưa chảy rót, dưới, bị gió cuốn xung động mỏng manh.”

Luận sư Cảnh nói: “Nếu không có kim luân hướng xuống dưới lấp cho thấp, thì phong luân sẽ xung kích nước, nghĩa hướng lên trên. Do hướng xuống dưới, gương ép gọi là gió lốc làm cho xung động mỏng

manh.”

Cơ Luận sư giải thích: “Ở đây Đại thừa cho rằng: Kim luân ở dưới, thủy luân ở trên, trái với luận Câu-xá v.v... Nay lại lập thuyết: “Thủy luân ở phía dưới, kim luân ở phía trên, mà nói là ở trên chịu đựng cơn mưa chảy rót v.v... Điều này có nghĩa là ở trên chịu được các giới tạng, mây tuôn xuống các trận mưa chảy rót, vọt lên trên, dưới con đường thì bị gió xung động, cho nên, văn dưới của quyển này như kể là nói phong luân, thủy luân, địa luân. Bảy lớp núi vàng là:

1) Du-Kiên-Đà-La, Hán dịch là Trì Song Sơn, vì đỉnh núi có hai gốc.

2) Tỳ-Na-Thác-Ca, Hán dịch là chướng ngại pháp lành.

Lại giải thích: “Có vua thần, thân người, đầu voi, làm việc ma, hay gây chướng ngại cho người tu hành. Vì hình núi này, đầu thần kia, nên gọi là chướng nạn.

3) Át-thấp-phước-Yết Noa, Trung Văn dịch là Mã Nhĩ, vì giống như tai ngựa

4) Tô-đạt-lê-xá na. Tô nghĩa là thiện; Đạt-lê-xá-na nghĩa là kiến, tức núi Thiện Kiến Sơn. Vì thấy hình núi này, phần nhiều sinh điều thiện.

5) Yết-đạt-lạc-ca, Hán dịch là đảm mộc nghĩa là A-Tu-la, dùng cây này gánh núi Tu-di, vì ở núi có cây đảm này, nên lấy đó đặt tên.

6) Y-sa-đà-la, Hán dịch là Trì Trục, vì ngọn núi này trông giống như trục xe.

7) Ni-dân-đạt-la, tên của một loài cá dưới biển, danh từ này không có phiên dịch. Vì trông giống như ngọn núi, nên lấy đó để đặt tên.

Luận này với Câu-xá, theo thứ lớp khác nhau:

Kinh Lôu Thán nói có ba thứ núi thiết vi, nên tìm văn kia.

Tám châu giữa là: Hai châu ở phía Đông:

1) Đề-ha, Hán dịch là thắng.

2) Tỳ-đề-ha, Hán dịch là Thắng thân nam, hai châu:

a) Giá mạt la, Hán dịch là Miêu ngư.

b) Phiệt-la-giá-mạt-na, Hán dịch là Thắng miêu ngư.

hai châu ở phía Tây:

a) Xá đường Hán dịch là Siểm.

b) Xương-đát-la-man-đát-lý-noa, Hán dịch là Thượng nghĩa

Hai châu ở phía Bắc:

a) Cư-lạp-bà, Hán dịch là Thắng biên.

b) Kiêu-lạp-bà, Trung văn dịch là Hữu thắng biên.

Luận Bà-Sa, quyển một trăm bảy mươi hai chép: “Con người ở bốn châu, cũng ở tám trung châu, tám trung châu này lại có năm trăm tiểu châu để làm quyển thuộc. Trong đó, hoặc có người ở, hoặc có phi nhân ở; hoặc có cung là cung của phi thiên. Như kinh Khởi Thế nói: “Phía đông tây núi Tu-di, cách núi hơn nửa do-tuần, phía dưới biển cả có cõi nước của vua Ty-ma-chất-đa A-tu-la, cõi nước rộng mỗi bề tám muôn do-tuần.

Về phía Nam núi Tu-di, cách núi hơn một ngàn do-tuần, dưới biển cả, chỗ ở của A-tu-la tạo hơn hờ. Cho đến cách phía Bắc núi, hơn một ngàn do-tuần, dưới biển cả là nơi cư trú của vua A-tu-la La hầu, xứ của tám Đại na-lạc-ca.

Các Đại na-lạc-ca: Luận Bà-Sa, quyển một trăm bảy mươi hai giải thích: Na-lạc nghĩa là tạo; Ca là nghĩa là ác. Người gây ra điều ác, sẽ đọa vào nơi ấy, nên đều có nhiều nghĩa.

Riêng một mình, Nghĩa là hoặc ở hư không; hoặc ở giữa đồng trống; hoặc ở trong núi v.v...

Lạnh, nghĩa là tám ngục lạnh. Bên gần, nghĩa là tám ngục nóng. Bên ngoài, là bốn thứ bao vây (giữa quyển thứ tư, sẽ giải thích).

Bàng sinh có ba chỗ cư trú: Các đất, nước, không. Biển cả là gốc. Từ gốc này di tản đi nơi khác.

Trú xứ của quý: Lấy chỗ vua Diêm-la làm gốc. Phía dưới châu Diêm-phù này, ở độ sâu năm trăm do-tuần, có cõi nước lớn, rộng mỗi bề năm trăm do-tuần. Từ bản xứ này, phân tán đến chỗ khác.”

Lại, Bà-Sa chép: “Về phía tây nam Diêm-phù-đề, có cõi nước của năm trăm quý, nửa thọ khổ, nửa thọ vui”.

Kinh Khởi Thế chép: “Phía Nam Diêm-phù-đề là hai núi thiết vi, trong đó có cung vua Diêm-la, rộng mỗi bề sáu ngàn do-tuần cho đến nói rộng.

Nói một phần, nghĩa là vì trừ đồng cư trú với trời người.

Thiệt-Bộ, là từ cây đặt tên. Tỳ-đề-ha Hán dịch là Thắng thân. Cồ-đà-ni Hán là Ngư hoá. Câu-lô Hán dịch là thắng sinh.

Du-thiện-na: bài tụng Luận Câu-xá chép:

Cực vi, vi, kim, tử.

Thố, dương, ngư, khích trần.

Cơ, túc, mạch, chỉ, tiết.

So với cái sau, tăng gấp bảy lần. Hai mươi bốn khuỷu tay, bốn khuỷu là lượng của một cung.

Năm trăm Câu-lô-xá; đây là tám du-thiện-na, gồm mười sáu dặm.

Nói sáu ngàn năm trăm, đây là y cứ chu vi.

Nước có tám đức: 1) Ngọt; 2) Lạnh; 3) Nhuyễn; 4) Nhẹ; 5) Thanh tịnh; 6) Không hôi; 7) Khi uống không hại cuống họng; 8) Uống rồi, không hại ruột.

Cung rồng: dưới biển cả có cung điện của Long vương Ta-già-la, rộng mỗi bề đều tám muôn do-tuần. Lại, trong biển, khoảng giữa núi Tu-di và Trì Song, còn có hai cung điện của Long vương Nan Đà và Ưu-ba-nan-đà, rộng mỗi bề sáu ngàn do-tuần v.v... Thần ở trong đó, nêu riêng bốn vị thần, mỗi vị thần đều trụ ở một tầng.

Bốn vị trời Đại Vương ở núi Trì Song: Bài tụng trong Câu-xá nói:

*Kiên thủ và Trì man.
Hằng kiêu chúng Đại vương.
Thứ lớp ở bốn tầng.
Cũng trụ bảy lớp núi.*

Cảnh sư nói: “Các vị thần này đều ở cõi trời, không phải là hông của trời, vì giống như hông A-tu-la, nên lấy đó để đặt tên. Như thành Vương Xá, bề rộng trở thành hông núi, giống với hông A-tu-la này, khéo làm vật cưỡi cho Long vương, Đế-thích.

Cây Đa-la, giống với cây tông lư, quả như cái bát, cạnh ven núi đại kim, không có ao nước nóng. Bài tụng trong Câu-xá nói:

*Chín hắc sơn bắc này.
Tuyển, hương say trong núi.
Không ao nóng rộng ngang.
Năm mươi du thiên na.*

Kinh Lôu Thán, khởi Thế đều chép: “Tuyết phía Bắc, hương phía Nam”. Kinh hậu Niết-bàn chép: “Trên đỉnh hương sơn”. Giải thích: “Lượng và bốn thứ báu, đối với châu v.v... không đồng với luận Câu-xá nói, vì tông chỉ khác nhau.

Con đường của luân vương kia chỉ nói là vòng quanh châu này. Về tướng của vua bốn châu, chỗ khác cũng có nói là mỗi lần đi qua xứ khác, nhà vua bay đi trên không, chỉ châu này có con đường bằng vàng kia.

Cây Thiêm-Bộ: Kinh Khởi Thế nói: “Phía dưới cây này, có đồng vàng Diêm-phù đàn na cao hai mươi do-tuần. Do vàng này xuất hiện ở dưới cây Diêm-phù, cho nên, từ cây đặt tên, tất cả vàng ròng của Diêm-phù đàn từ đây đặt tên.

Thiết-lập-mạt-lê, giống như cây tạo giếp, xứ này không có cây

này. Ở phía đông, dùng cánh quạt nước, vệt ra hai trăm do-tuần, trứng sinh ra rồng. Thai sinh ra chim, lúa muốn ăn trứng sinh ra rồng, cũng trèo lên nhánh phía đông. Cách dùng như trước: Lúc lấy thai sinh ra rồng, thì lên nhánh phía Nam, nước vệt ra bốn trăm do-tuần, thì không thể lấy hai loại khác sinh ra rồng.

Thấp sinh ra chim. Khi lấy noãn thai rồng, cách dùng như trước: Lấy thấp sinh ra rồng, thì lên nhánh phía tây, quạt nước mở ra tám trăm do-tuần.

Hoá sinh: Lúc noãn, thai, thấp sinh ra rồng, cách dùng như trước: Lấy hóa sinh rồng, thì lên nhánh phía Bắc, nước vệt ra một ngàn sáu trăm do-tuần. (Rộng, như Kinh Khôi Thế v.v... nói)

Con người ở kiếp sơ, từ ý hóa sinh, các căn không thiếu, bay đi trên hư không.

Dây leo rừng, hình dáng như rau quyết, lá non ăn được, đường, gạo, chất béo của lúa, có chỗ nói là đồng lúa.

Ty khế: Là Nha phủ, khế là yêu hạn, tức quan trường.

Ma-ha tam-mạt-đa, Hán dịch Đại đẳng ý. Đại chúng ngang đồng ý ưa thích, đồng lập làm Tôn giả, cũng gọi là sai ma tắc phước di, Hán dịch là Điền chủ; là các dòng Sát-Đế-lợi từ đó về sau.

Bà-la-môn, Hán dịch là Tịnh hạnh chủng, hoặc dịch là Tịnh Dân. Phạm vương Sơ thiên, gọi là Tịnh, tự xưng mình là con cháu của Tịnh Vương, nên gọi là Tịnh dẫn.

Phệ-xá: Hán dịch là Tọa thù chủng, nghĩa là ngồi mà thu lợi. Mậu-đạt-la, là dòng họ cày ruộng.

Bổ khuyết dẫn Câu-xá chép: “Mặt trời vận hành trên đường của châu này có khác nhau, nên làm cho ngày, đêm có giảm, có tăng: Từ mùa mưa, vào ngày mồng chín của nửa sau tháng thứ hai, đêm tăng dần. Từ mùa lạnh, vào ngày mồng chín của nửa sau tháng thứ tư, đêm giảm dần.

Ở các nước phương Tây, có ba mùa: Nắng, mưa, đông, mỗi mùa đều có bốn tháng. Ngày mười sáu tháng giêng là mùa nắng, là ngày đầu tiên của tháng giêng, từ ngày chín tháng bảy về sau, đêm giảm dần, ban ngày tăng. Phần vị giảm trái với ở đây.

Một ngày, đêm tăng bao nhiêu? Tăng một lap phước thời gian giảm ngày đêm, cũng giảm một lap phước.

Kinh Khởi Thế chép: “Nhật thiên tử, sống lâu năm trăm tuổi, con cháu kế thừa nhau, đều trị vì cung điện kia, trụ trì đầy đủ một kiếp. Cho đến sáu tháng, đi về phía Bắc. Trong một ngày, di chuyển dần về

hướng Bắc, sáu câu-lô, không hề có lúc tạm rời khỏi đường đi của mặt trời. Sáu tháng đi về phía Nam, cũng trong một ngày, di chuyển dần về phía Nam sáu câu-lô-xá. Thời gian vận hành sáu tháng ở cung mặt trời, vào giữa trưa ngày rằm của cung mặt trăng, cũng vận hành gần ấy thời gian (nói rộng như trong kinh).

Lại, dựa vào pháp địa lý của đời Hán, thì cứ năm năm, năm tháng, năm ngày, có hai tháng nhuận.

Tốc độ vận hành của mặt trăng. Nghĩa là tuyến đường từ nam đến bắc, nhanh hơn mặt trời.

Không nhất định, nghĩa là vì mặt trăng phải đi vòng quanh núi, nên vận hành chậm hơn mặt trời. Lại mặt trời này vận hành, hễ xa núi thì lạnh, gần núi thì nóng soi rọi bảy lớp Tu-di vàng, vì là phần gần núi, nên nóng, xa núi nên lạnh. Ở phía trên hơi lốm vào, tức là ta thấy bán nguyệt, luận Câu-xá chép: “Gần mặt trời tự che bóng, nên thấy mặt trăng bị khuyết ở đây cho là không đúng, mặt trăng tự khuyết thì phần còn lại tự chiếu cho nên thấy khuyết. Cũng có thuyết cho rằng, bị tay của thiên thần, Bồ-tát và phi thân che khuất, làm thành hiện tượng Nhật thực.

Nói Cá Trạnh v.v... Ảnh hiện vầng trăng, kinh khác nói: “Có ảnh của cây thiêm bộ hiện ra, ngài Tam tạng dẫn kinh Bản Tánh nói rằng: “Thuở xưa, khi ba con thú cùng làm việc nhân nghĩa, Thiên đế muốn thử xem thế nào. Thỏ thì lượm củi, nổi lửa đốt thân, để dâng cúng Thiên đế. Thiên-đế đem hài cốt thỏ đặt trong vầng trăng. Soi sáng với đời lấy làm khuôn phép.”

Kinh Thiên Địa chép: “Ở nước An Dương, Bồ-tát Bửu Ứng Thịnh làm nên bức thành mặt trời; Bồ-tát Bửu Cát Tường xây dựng thành mặt trăng v.v...”.

Câu-lô-xá, tức lượng năm trăm cung, theo lường thước, trượng của đời Lương: Một cung dài tám thước; năm trăm cung, dài bốn trăm trượng.

Vua Tĩnh tức ở đây có hai loại:

- 1) Đại Bồ-tát làm.
- 2) Thật hữu tình, thuộc về đường quý.

Có người nói rằng: “Văn luận này đã nói, do vì cảm nghiệp tăng thượng tạp nhiễm, nên đọa vào na-lạc-ca, cho nên, biết thuộc về cõi địa ngục”.

Tông khác nói: “Ở trong nước quý năm trăm do-tuần.”

Về nghĩa Tĩnh Tức, như Quyết Trạch nói.

Ngục tốt Na-lạc-ca, giống như người hóa sinh. Luận Hiển Tông nói: “Ba ngục Vô gián, Đại nhiệt và Viêm nhiệt, trong đó đều không có ngục tốt canh giữ.

Ba địa ngục: Đại khiêu, Đề khiêu và Chúng Hợp, đều ít có ngục tốt. Sứ giả của vua Diêm-ma thường qua, lại để tuần tra ngục đó. Các ngục khác, đều bị ngục tốt canh giữ. Hữu tình, vô tình. Các loài khác, ngục tốt giữ gìn, trị phạt hữu tình phạm tội.

Lửa không thể đốt câu-chi. Nghĩa là một, mười, một trăm, một ngàn, muôn lạc-xoa, độ-lạc-xoa câu-chi. Lấy mười nhân với lạc xoa, tương đương với một ức; độ-lạc-xoa, tương đương với mười ức. Câu chi bằng một trăm ức. Nhưng phương tây có bốn thứ ức; bốn muôn muôn là ức.

Nay, Luận Du-già, Hiển Dương tính một trăm muôn là ức; mười ức là một câu chi, nên nói một trăm câu-chi là một cõi nước Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Một ngàn muôn là ức, gọi là một trăm muôn ức.” Luận Trí Độ chép: “Mười muôn là ức, gọi là một trăm muôn ức,” thì Tam thiên này, cho đến làm các Phật sự: Từ xưa đến nay tương truyền Phật sinh khởi trong các thế giới, đều từ một báo thân Phật biến hóa mà khởi, cho nên trong một thế giới, chỉ có một hóa thân Phật. Cho nên Đức Phật khác, không khởi hóa thân? Nếu vậy, tức là trái với bản nguyện. Thế, nên nếu lấy thời gian trước, sau để so sánh, thì trong nhiều kiếp, không có Phật ra đời. Nếu ở hiện tại mà nói về không gian, thì thế giới mười phương mới có vô biên Đức Phật ra đời. Mỗi vị hóa Phật, đều là Báo Phật mười phương đồng hóa. Vì các Như lai đều có đại bi khởi bản nguyện giáo hóa đối với các thế giới. Như trong một ngôi nhà, đang thấp sáng nhiều ngọn đèn, cùng lúc phát sáng. Ánh sáng đều tỏa khắp lẫn nhau. Chư Phật, Như lai, Bồ-tát khởi hóa thân không có riêng, cũng thế, vì sự phát đồng. Nếu lấy ngọn từ gốc gốc riêng thì ngọn riêng. Được nói hóa Phật có nhiều, chỉ vì tướng mạo khó phân, nên không thể phân biệt khác nhau.”

Từ đây trở xuống, là nói sau khi thành rồi, sẽ được các pháp.

Văn chia làm hai:

1) Nêu lên.

2) Mười bốn chương sau tùy theo giải thích mười chín chương, không giải thích năm chương.

I. Không giải thích mười thời phân: Luận Câu-xá chép: “Một trăm hai mươi sát-na là một đất-sát-na; sáu mươi đất-sát-na là một lạc-phước; ba mươi lạc phước là một mục-hô-thích-đa; ba mươi mục-hô-

thích-đa là một ngày đêm; ba mươi ngày đêm, là một tháng; mười hai tháng là một năm; một năm là ba mùa nghĩa là lạnh, nắng, mưa. Mỗi mùa đều có bốn tháng, chỉ có tám phần vị”

Nay, với luận kia, riêng thành mười thời: Nửa tháng là mười lăm ngày, mười lăm ngày hô-thích-đa là đêm, mười lăm ngày hô thích đa là ban ngày. Thời, nghĩa là kiếp khác của năm (như trước đã nói).

II. Không giải thích mười “Thọ dục”: Vì chỉ như kinh, xét Trung A-hàm quyển ba mươi sáu, kinh Hành Dục nói: “Ông Cấp Cô Độc hỏi: Trong đời có bao nhiêu người hành dục? Đức Thế Tôn đáp: gồm có mười người hành dục”. (Nói rộng như trong kinh), nhưng vì văn kinh rườm rà nên ở đây y cứ theo nghĩa để nêu mười thứ. Mười thứ tuy khác nhau, nhưng lược có ba:

- 1) Phi pháp, không có đạo, cầu vật dục.
- 2) Pháp, phi pháp, cầu vật dục.
- 3) Đúng như pháp, lấy đạo cầu vật dục.

Nhận định rõ về mục đích của hành dục, đại khái có bốn hạng:

- 1) Cầu của cải vật dụng để nuôi thân, được yên ổn.
- 2) Nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ sai khiến.
- 3) Cúng dường Sa-môn, Phạm chí, mong sao được hưởng lên, cho vui đều thọ lạc báo, sinh lên trời được trường thọ.
- 4) Muốn được của vật rồi, không nhiễm, không chấp mắc, khi bị bệnh mới đem ra dùng.

Nhưng đem bốn hạng người này để phân biệt về ba mong cầu trên kia thì không đồng, vì chương ngại cho mười người:

Ba người đầu là gì?

- 1) Phi pháp, không có đạo, cầu, đều không có bốn việc.
- 2) Phi pháp, không có đạo, cầu, có hai việc đầu, không có hai việc sau.
- 3) Phi Pháp, không có đạo, cầu, có ba việc đầu không có một việc sau.

Ba người kế:

- 1) Pháp, phi pháp cầu, đều không có bốn việc.
- 2) Pháp, phi pháp cầu, có hai việc đầu không có hai việc sau.
- 3) Pháp, phi pháp cầu, có ba việc trước, không có một việc sau.

Bốn người sau:

- 1) Đúng như pháp lấy đạo để cầu, đều không có bốn việc.
- 2) Đúng như pháp, lấy đạo để cầu, có hai việc trước, không có hai việc sau.

3) Đúng như pháp, lấy đạo để cầu, có ba sự trước, không có một việc sau.

4) Đúng như pháp, lấy đạo để cầu, có đủ bốn việc.

Do đây suy ra: vì ba hạng có hai, bốn hạng có một, nên thành mười hạng.

Trong đây, nếu phi pháp, không có đạo mà mong cầu v.v... đều không có bốn việc, là thấp nhất. Nếu dùng pháp, phi pháp cầu thì có ba việc trước là cao nhất.

Nếu đúng như pháp, lấy đạo để cầu, thì sẽ có đủ bốn việc, là hay hơn hết.

III. Không hiểu tám thế pháp mà được, là được lợi ích:

Không được, là không được lợi ích.

Không đối diện mà khen, gọi là dục; không đối diện mà mắng, gọi là hủy. Đối diện khen gọi là xưng; mắng ngay trước mặt, gọi là cơ bức nã, gọi là khổ, vừa ý, vui vẻ gọi là lạc.

IV. Không giải thích ba phẩm.

V. Không giải thích bốn oai nghi: Vì dễ nên không giải thích.

Nói thuộc về gieo trồng quả, nghĩa là các uẩn của na-lạc-ca, làm sáng tỏ cho thể của cõi đó.

Chủng, nghĩa là hạt giống danh ngôn của địa ngục, và với cõi được sinh, đồng là Di thực, vì là tánh vô ký, nên là thể của cõi.

Đều là nghiệp kia, nghĩa là vì thuận với cõi, nên thể chẳng phải đường.

Trong hóa sinh, hoặc đủ, hoặc không đủ sáu thức: Không đủ nghĩa là trời vô tưởng không có ý xứ thứ sáu, và tất cả sinh hữu tử hữu. Hoặc nói rằng, kiếp sơ quý, súc chưa hẳn đủ căn, mà vì hóa sinh nên trong sáu y trì; hoặc không do người tạo tác, thì kiếp mới thành, không phải do công sức của con người làm nên.

Cung điện hóa khởi, nghĩa là như trong sáu tầng trời cõi Dục, lại tùy theo nghiệp phước, mà cung điện tự khởi.

An ổn y trì, nghĩa là bảy thứ như thành v.v... thuộc về sự.

Thứ sáu, phước nghiệp và phương tiện tác nghiệp, lúc tu nghiệp phước là nghiệp của tiền phương tiện. Trong mười dụng cụ giúp thân thì thứ tám là các vật lật vặt ngoại trừ chín thứ khác, giường ghế v.v... là dụng cụ giúp thân.

Các vật, lật vặt nghĩa là dụng cụ, chẳng phải số mười. Trong tám số tùy hành, thứ bảy, thứ tám, do thứ sáu khởi, nên nói là thuộc thứ sáu kia.

Hai mươi thứ phát phần. Vì phát phần là duyên.

Phương tiện tà nghiệp, nghĩa là phương tiện của nghiệp thân, nghiệp ngữ tà vạy. Lại như có vật vay, toan nói rằng không chịu trả lại cho chủ của nó, gọi là vùi lấp.

Quý phạm sư: Là A-Xà-Lê; Thân giáo sư là hòa-thượng, Đệ tử cận trụ là y chỉ.

Chánh tri nhập thai, bất chánh tri, trụ xuất nghĩa là bậc Luân vương. Ở đây nói là Kim luân, không phải ba thứ luân còn lại. Hoặc cả bốn đều là kim luân, vì không có vẩn ngăn ngừa.

Bảy khổ, không nói là khổ thứ tám, Pháp sư Khuy Cơ nói: “Kiếp Thành đã có, chẳng phải vì ở kiếp Trụ mới có.

Một giải thích khác: “Bỏ cái chung theo cái riêng, nên lược qua không nói.

Bảy mạn dựa vào năm pháp mà khởi, nghĩa là thượng, trung hạ, do đức của ngã mà sinh. Như luận Ngũ Uẩn và Quyết Trạch đều có cả kiến, dứt tu dứt. Thể của kiêu là tham, đắm nhiễm pháp của mình, lấy say sưa buông lung làm nghĩa.

Mạn, là đối với người khác mà tâm tự cao, là hai thứ khác nhau, như Duy thức quyển sáu chép: “Trong thấy, nghe, giác, biết, dựa vào biết mà có ngôn thuyết, nghĩa là đều chia ra sở thọ, sở nhiếp, sở xúc, sở đắc ở bên trong.

Cảnh sư nói: “Nhĩ căn, nhĩ thức, gọi là sở thọ; tỷ thiệt căn thức, gọi sở chứng; thân căn và thức, gọi là sở xúc ý thức sở đắc, vì người khác giảng nói, gọi biết ngôn thuyết.”

Pháp Sư Khuy Cơ nói: “Hoặc lấy ba căn tỷ, thiệt thân và năm thức đều đi chung với ý đều quyết định tâm, ý phối hợp theo thứ lớp như sau:

Hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, như thứ lớp phối hợp với bốn thứ như sở thọ v.v... Năm thức kia đều đi chung với ý, đều là biết, nói chung là bốn thứ này.

Mười chín, mười ba nói: “Thấy, biết là hiện lượng; nghe chỉ thánh ngôn lượng; giác là tỷ lượng.”

Y theo rất nhiều ngôn thuyết, có hai:

1) Chung.

2) “Kia thì thế nào” trở xuống: Là riêng.

Giải thích về lời câu, nghĩa là tất cả ngôn từ giải thích các pháp có.

Câu hý luận, nghĩa là ca xướng v.v...

Gồm thâu nghĩa cú: Như lấy già tha để gồm thâu câu tán nghĩa.

Tự mẫu nghĩa là ba mươi ba chữ, mười bốn âm.

Mười bốn âm, là ai, a, ế, y ỏ, ô hột, lữ, hột, lư, lữ, lô, ế, ái, ô, áo, ám, ác. Vì không lấy hai âm sau, thành mười bốn. Năm âm ca khứ v.v... Năm âm như xa v.v... Năm âm như tra đệ v.v... Năm âm như đa tha v.v... Năm âm như ba phi v.v... Dạ lạ la phược xa ta bà ha xoa, vì không lấy chữ “xoa”, nên còn ba mươi ba.

Đem mười bốn âm trước, y cứ ba mươi ba chữ sau, sinh ra tất cả ngữ ngôn văn tự, gọi là các mẫu tự.

Trong giải thích riêng, cái gọi là địa v.v... Cảnh sư giải thích: “Địa là chín địa, hoặc là địa đại trong bốn đại.

Căn, là tên cấu căn; cảnh, là tên sáu cảnh; pháp, là sắc uẩn v.v... v.v...

Luận sư Khuy Cơ nói: “Địa: Như pháp chung “sở thuyên”, hiển bày chữ “chung” “năng thuyên”, lấy nghĩa làm giáo y, hoặc y cứ ban đầu nêu tên chung, với giải thích sau, vì làm “sở y”, nên gọi là địa”

Lại có người nghe lỗi phép chế công đức, như trong luật nói: “Không được leo lên cây cao quá đầu người v.v...”. Nếu cứ theo phép chế, không dám trái là công đức, trái với trên là lỗi. Nếu vì xảy ra tai nạn có liên quan đến mạng sống mà cho phép leo lên cây cao quá đầu người thì không có tội.

Diệu trí vững chắc, thối, trầm, giúp bạn.

Cảnh sư nói: “Nói là thiện tri thức v.v... để cho vững chắc diệu trí, lia bỏ từ ngữ lui sụt, lại làm giúp bạn. Sư Khuy cơ nói: “Nếu ân cần tinh tấn, thì diệu trí mới vững chắc; buông lung, biếng nhác thì diệu trí sẽ lui sụt.

Trầm là hôn trầm. Lượng là đo lường, trạo cử, giúp bạn là tâm sở đồng thời.

Pháp sư Khuy Cơ lại nói: “Thị hiện bốn trường hợp giáo đạo, ngợi khen, khuyên gắng, an ủi chúc tốt lành, thì xưa đã nói là chỉ bảo lợi hỷ.”

Pháp sư Cảnh nói: “Thị hiện dạy bảo, dẫn dắt nghĩa là thể hiện chung nói pháp.

Khen ngợi khích lệ, an ủi tốt lành, nghĩa là công đức của thấy, tu, ca ngợi, khuyên cố gắng, an ủi chúc tốt lành.

Bảy trường hợp so sánh, thì tám chuyển thính, trừ thứ tám.

Tiếng gồm có ba:

1) Nam.

2) Nữ.

3) Chẳng phải nam, nữ.

Mỗi tiếng nói đều có tám:

1) Thể.

2) Nghiệp.

3) Cụ.

4) Vi.

5) Tùg.

6) Thuộc về.

7) Y (dựa).

8) Gọi.

Nay, ở đây là tiếng của nam.

Thuyên: Là bảy chuyển tinh của tợng phu, như thứ lớp phối hợp thuộc về thể, nghiệp, cụ v.v...

Thứ tám, thông thường tiếng hê-bổ-lô-sa, lại không có nghĩa khác, nay, chỉ nói bảy.

Lại có thi thiết v.v... dựa vào pháp thọ giới để nói. Thi thiết, nghĩa là trái, đặt chỗ ngồi.

Giáo sắc, nghĩa là lời nói dạy bảo.

Nêu tướng, nghĩa là kết giới ước.

Tĩnh tức, nghĩa là đả tịnh.

Biểu liễu, nghĩa là bạch chúng.

Quy tắc, nghĩa là khuôn phép được tiêu biểu - An lập: Đặt để người thọ giới, chỗ mắt thấy tai không nghe.

Chứa nhóm: Đại chúng nhóm hợp.

Quyết định: Hỏi, ngăn ngừa sự nạn.

Phối thuộc: Thuộc về việc mà yết-ma sẽ làm.

Kinh hãi: Nghĩa là khiến cho người thọ giới phát thượng tâm để được thượng giới v.v...

Câu sơ, Trung, hậu: Là nói ba yết-ma. Tộc tánh tướng: Là người thọ giới thuộc dòng họ Bà-la-môn v.v... hoặc nói tùy tướng trì, nghĩa là dòng họ Thích, nếu phạm là không phải thích tử v.v...

Lập tông, nghĩa là xin cầu là trước nhất, tức là bốn y.

Ngôn thuyết, nghĩa là giáo hóa người khác.

Thành biện, nghĩa là vì trì giới vững chắc, nên được quả vị La hán, gọi là thành biện.

Thọ dụng: Thọ giới xong, nương theo tăng, thọ dụng hai lợi tai, pháp.

Tìm kiếm: Nghĩa là tìm pháp chưa được.

Thủ hộ: Nghĩa là giữ gìn pháp mà mình đã được, không có lui sụt.

Tu sĩ, nghĩa là tui hổ vì mình đã làm việc ác. Thương xót: Người

khác có lỗi, can ngăn, để cho họ ăn năn sám hối.

Kham nhẫn, nghĩa là có thể chịu đựng việc vất vả, gian khổ, siêng năng, tinh tấn trong mọi việc.

Sợ hãi: Sợ hãi việc lui sụt.

Phân biệt bỏ việc ác làm việc thiện.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Lẩn lộn, nghĩa là tạp bản, giải Thích-các kinh luận v.v...”
